

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

VAI TRÒ CỦA KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG
NỀN KINH TẾ SỐ: KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ
HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

PGS, TS HOÀNG VĂN HOAN*, ThS LƯU THỊ NGỌC**

Ngày nhận bài: 5/1/2026; Ngày phản biện: 5/1/2026; Ngày duyệt đăng: 15/1/2026.

Bài viết phân tích vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế số dựa trên tiếp cận về lý luận và thực tiễn quốc tế, đối chiếu với các mô hình của Trung Quốc, Hàn Quốc, Thụy Điển và Singapore. Trên cơ sở đó, kết hợp với đánh giá thực trạng vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tái cấu trúc vai trò của kinh tế nhà nước theo hướng kiến tạo, điều phối và dẫn dắt các nguồn lực nền tảng của kinh tế số.

Từ khóa: Kinh tế Nhà nước; Kinh tế số; Kinh nghiệm thế giới; Hàm ý chính sách; Việt Nam.

1. Tiếp cận chung về vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế số

Ở Việt Nam, lý luận về kinh tế nhà nước được hình thành và phát triển gắn với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tiến trình đổi mới tư duy kinh tế của Đảng. Trước Đại hội VI, kinh tế nhà nước chủ yếu được nhận thức dưới hình thức “kinh tế quốc doanh”, gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, là công cụ vật chất chủ yếu để Nhà nước quản lý kinh tế, phân bổ nguồn lực và tổ chức sản xuất theo mệnh lệnh hành chính.

Từ Đại hội VI, nhận thức của Đảng điều chỉnh theo hướng thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai

trò định hướng và điều tiết phát triển. Đại hội VIII chính thức sử dụng thuật ngữ “kinh tế nhà nước”, gắn với yêu cầu đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, đồng thời khẳng định vai trò chủ đạo của khu vực này: “Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019, 695). Quan điểm này tiếp tục được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013, trong đó Điều 51 khẳng định: “Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” (Quốc hội, 2013).

Từ Đại hội IX đến Đại hội XIII, nội hàm của kinh tế nhà nước được làm rõ theo hướng bao trùm các nguồn lực và công cụ thuộc sở hữu toàn dân do

* ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Đại hội XIII xác định: “Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, 129). Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong việc bảo đảm các cân đối lớn và định hướng chiến lược của nền kinh tế: “Phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm các cân đối lớn, dẫn dắt và định hướng chiến lược” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2025).

Thực tiễn quốc tế hiện tồn tại sự khác nhau trong việc sử dụng khái niệm về khu vực kinh tế do nhà nước nắm giữ. Một số quốc gia sử dụng trực tiếp hoặc các khái niệm tương đương với “khu vực kinh tế nhà nước” trong hệ thống lý luận và chính sách phát triển. Trong khi đó, một số quốc gia không sử dụng thuật ngữ này nhưng trên thực tế vẫn duy trì vai trò dẫn dắt mạnh mẽ của nhà nước thông qua sở hữu công, đầu tư chiến lược và điều phối các nguồn lực dài hạn. Sự khác biệt giữa hai nhóm chủ yếu nằm ở cách tiếp cận khái niệm và phương thức diễn đạt hơn là ở vai trò thực chất của nhà nước trong việc nắm giữ và điều phối các nguồn lực then chốt của nền kinh tế. Trong cả hai cách tiếp cận, doanh nghiệp nhà nước không phải là mục tiêu tự thân, mà là một công cụ tổ chức quan trọng để nhà nước thực hiện vai trò kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực nền tảng và chiến lược.

Kinh tế số là thuật ngữ phổ biến, được định nghĩa là nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử qua

internet. Theo nghĩa rộng, kinh tế số là toàn bộ mạng lưới các hoạt động kinh tế - xã hội được xây dựng và vận hành dựa trên công nghệ số (Bukht & Heeks, 2017). Kinh tế số bao trùm mọi lĩnh vực của nền kinh tế, từ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ đến các khâu sản xuất, phân phối, logistics, tài chính - ngân hàng, nơi công nghệ số được tích hợp sâu rộng. Do đó, kinh tế số không chỉ giới hạn trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông, mà còn bao gồm các ngành truyền thống được số hóa. Như vậy, khác với nền kinh tế truyền thống dựa vào lao động, vốn và tài nguyên vật chất, nền kinh tế số vận hành dựa trên khai thác dữ liệu với chi phí cận biên thấp, hiệu ứng mạng mạnh và xu hướng tập trung cao. Những đặc trưng này vừa tạo cơ hội tăng trưởng nhanh và đổi mới sáng tạo, vừa làm gia tăng các rủi ro mới, như: Độc quyền nền tảng, bất cân xứng dữ liệu, lệ thuộc công nghệ và suy giảm chủ quyền kinh tế trong không gian số (Bukht & Heeks, 2017).

Trong bối cảnh đó, vai trò của nhà nước và kinh tế nhà nước không suy giảm mà được tái cấu trúc về chất. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước ngày càng được thể hiện thông qua năng lực dẫn dắt, kiến tạo hệ sinh thái và điều phối chiến lược giữa khu vực công và tư hơn là chỉ nắm giữ nguồn lực nền tảng. Thay vì thay thế thị trường, kinh tế nhà nước vận hành như một cơ chế “kích hoạt” thị trường số, tạo điều kiện để khu vực tư nhân tham gia đổi mới sáng tạo trong một cấu trúc được định hướng và kiểm soát. Vai trò này thể hiện rõ qua các cơ chế hợp tác công - tư trong các dự án số trọng điểm, trong đó nhà nước đóng vai trò người mua đầu tiên hoặc nhà đầu tư môi, chia sẻ rủi ro và hình thành thị trường ban đầu cho các giải pháp số mới. Các công cụ như quỹ đầu tư có sự tham gia của nhà nước, khung thử nghiệm pháp lý và nền tảng số mở do nhà nước kiến tạo đã trở thành phương thức quan trọng để mở rộng hệ sinh thái số quốc gia (OECD, 2020).

Ở các quốc gia sử dụng trực tiếp khái niệm “khu vực kinh tế nhà nước”, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc nắm giữ các lĩnh vực chiến lược của kinh tế số, như: Hạ tầng số, dữ liệu công, viễn thông và các nền tảng quản trị quốc gia. Việc trực tiếp sở hữu và quản lý các nguồn lực này cho phép nhà nước chủ động định hướng phát triển, bảo đảm các cân đối lớn và xử lý rủi ro hệ thống trong chuyển đổi số (OECD, 2020).

Đối với các quốc gia không sử dụng thuật ngữ này, vai trò dẫn dắt của nhà nước vẫn được thực hiện thông qua sở hữu công, đầu tư chiến lược và điều phối nguồn lực dài hạn. Thay vì mở rộng sở hữu doanh nghiệp, nhà nước tập trung kiểm soát các yếu tố nền tảng như: Hạ tầng số thiết yếu, hệ thống dữ liệu quốc gia, tiêu chuẩn công nghệ

và các chương trình đổi mới sáng tạo quy mô lớn. Do đó, vai trò của kinh tế thể hiện chủ yếu ở năng lực kiến tạo, điều phối và bảo đảm ổn định cấu trúc của nền kinh tế số (OECD, 2020).

Trên thực tế, hai cách tiếp cận này có sự tương đồng ở quan điểm: Dữ liệu, nền tảng số và hạ tầng số là các tài sản chiến lược, đòi hỏi sự tham gia chủ động của nhà nước để bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, an ninh kinh tế và phát triển dài hạn. Dù khác nhau về khái niệm và công cụ, cả hai nhóm quốc gia đều thực thi vai trò kinh tế của nhà nước xoay quanh các trụ cột cốt lõi; sự khác biệt chủ yếu nằm ở phương thức và cơ chế vận hành, không phải ở vai trò thực chất trong việc nắm giữ và điều phối nguồn lực chiến lược của kinh tế số. Các trụ cột này được khái quát trong Bảng 1.

Bảng 1: Vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế số theo hai nhóm quốc gia

Trụ cột vai trò	Nhóm 1: Quốc gia sử dụng trực tiếp hoặc tương đương khái niệm “khu vực kinh tế nhà nước”	Nhóm 2: Quốc gia không sử dụng thuật ngữ “khu vực kinh tế nhà nước”
1. Nắm giữ và kiểm soát hạ tầng số nền tảng	Kinh tế nhà nước trực tiếp sở hữu và quản lý các hạ tầng số chiến lược như viễn thông, trung tâm dữ liệu, nền tảng quản trị số, năng lượng và các hệ thống kỹ thuật số thiết yếu.	Nhà nước không nhất thiết trực tiếp sở hữu doanh nghiệp, nhưng giữ quyền kiểm soát chiến lược đối với hạ tầng số thiết yếu thông qua quy định, nhượng quyền, đầu tư công và cơ chế giám sát đặc biệt.
2. Nắm giữ và điều phối dữ liệu chiến lược	Dữ liệu công, dữ liệu quốc gia và các nền tảng dữ liệu trọng yếu thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của khu vực kinh tế nhà nước, được xem là tài sản công chiến lược.	Nhà nước tổ chức và điều phối hệ thống dữ liệu quốc gia, thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu có kiểm soát, bảo đảm tiếp cận công bằng và an ninh dữ liệu.
3. Kiến tạo và định hình thị trường số	Kinh tế nhà nước trực tiếp tham gia hình thành các nền tảng số, dịch vụ số công và thị trường mới trong nền kinh tế số.	Nhà nước kiến tạo thị trường thông qua chuẩn công nghệ, chuẩn dữ liệu, luật cạnh tranh số và chính sách nền tảng.
4. Dẫn dắt đầu tư dài hạn và đổi mới sáng tạo chiến lược	Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư hạ tầng số, công nghệ lõi và lĩnh vực rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn dài.	Nhà nước dẫn dắt đầu tư thông qua ngân hàng phát triển, quỹ đầu tư công, mua sắm công đổi mới sáng tạo và chương trình quốc gia.
5. Bảo đảm ổn định cấu trúc và chủ quyền số	Kinh tế nhà nước là công cụ vật chất trung tâm để bảo đảm an ninh kinh tế, chủ quyền số và xử lý rủi ro hệ thống.	Nhà nước bảo đảm ổn định cấu trúc và chủ quyền số thông qua kết hợp sở hữu công, điều tiết vĩ mô và điều phối chiến lược.

Nguồn: Tác giả tổng hợp và khái quát từ các nghiên cứu của IMF, WB, OECD, UNCTAD và các học giả về nhà nước kiến tạo phát triển

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia về vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế số

Vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế số cho thấy không tồn tại một mô hình quốc gia thống nhất có thể sao chép nguyên mẫu. Giá trị tham chiếu cốt lõi nằm ở cách nhà nước thực thi vai trò kinh tế trong việc nắm giữ, điều phối và dẫn dắt các nguồn lực chiến lược của nền kinh tế số.

Trung Quốc: Kinh tế nhà nước kiểm soát nguồn lực nền tảng

Trung Quốc là trường hợp tiêu biểu cho nhóm quốc gia sử dụng khái niệm khu vực kinh tế nhà nước làm công cụ vật chất trung tâm để nhà nước kiểm soát và điều phối nguồn lực nền tảng (Naughton, 2021; OECD, 2020). Cách tiếp cận này tập trung nắm giữ các “nút thắt chiến lược” quyết định sự vận hành và ổn định của kinh tế số, thay vì mở rộng sở hữu doanh nghiệp dân trải, thể hiện qua các nội dung chính:

Một là, hạ tầng số: Nhà nước chi phối các hệ thống viễn thông, trung tâm dữ liệu và hạ tầng điện toán quốc gia, coi đây là tài sản chiến lược phục vụ quản trị, an ninh và phát triển dài hạn (Naughton, 2021).

Hai là, dữ liệu công: Dữ liệu về dân cư, đất đai, tài chính và doanh nghiệp được quản lý tập trung, là tài sản công chiến lược nền tảng cho hoạch định chính sách và dịch vụ công thông minh (Bukht & Heeks, 2017).

Ba là, nền tảng số công: Nhà nước trực tiếp xây dựng và vận hành các nền tảng từ chính phủ điện tử đến quản trị đô thị thông minh,

vừa nâng cao hiệu quả điều hành vừa định hình chuẩn mực và cấu trúc thị trường số (OECD, 2020).

Bốn là, đầu tư dài hạn: Kinh tế nhà nước dẫn dắt đầu tư vào công nghệ lõi (trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), bán dẫn) thông qua các chương trình và quỹ chiến lược, tạo “đường ray” công nghệ cho khu vực tư nhân (State Council of China, 2021).

Năm là, chủ quyền và ổn định: Thông qua kiểm soát hạ tầng, dữ liệu và đầu tư, kinh tế nhà nước trở thành công cụ bảo đảm chủ quyền số, ổn định hệ thống, và hạn chế rủi ro độc quyền nền tảng, lệ thuộc công nghệ (OECD, 2020).

Hàn Quốc: Vai trò dẫn dắt qua điều phối chiến lược

Hàn Quốc tiêu biểu cho nhóm quốc gia không dùng thuật ngữ “khu vực kinh tế nhà nước”, nhưng vẫn duy trì vai trò dẫn dắt mạnh mẽ thông qua sở hữu công, đầu tư chiến lược và điều phối nguồn lực dài hạn. Trọng tâm của mô hình này là năng lực kiến tạo, điều phối và bảo đảm ổn định cấu trúc kinh tế số, thay vì mở rộng sở hữu doanh nghiệp. Vai trò thể hiện qua các phương diện:

Một là, hạ tầng số: Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong quy hoạch, đầu tư và kiểm soát các hạ tầng thiết yếu (mạng băng rộng, trung tâm dữ liệu quốc gia), đảm bảo phát triển đồng bộ, an toàn, phục vụ mục tiêu dài hạn (OECD, 2020).

Hai là, dữ liệu công: Được coi là nguồn lực chiến lược, được quản lý tập trung thông qua hệ thống dữ liệu quốc gia và cơ chế chia sẻ có kiểm soát, nhằm phục vụ hoạch định chính sách, dịch vụ

công số và đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo đảm an ninh và quyền riêng tư (Bukht & Heeks, 2017).

Ba là, kiến tạo thị trường số: Nhà nước thiết lập “luật chơi” thông qua khung pháp lý, tiêu chuẩn công nghệ và nền tảng số công, tạo môi trường ổn định, minh bạch để khuyến khích cạnh tranh và đổi mới trong khu vực tư nhân, thay vì trực tiếp cạnh tranh (OECD, 2020).

Bốn là, đầu tư chiến lược vào công nghệ lõi: Nhà nước đóng vai trò nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực then chốt (AI, Big Data, bán dẫn) thông qua các chương trình quốc gia, tập trung vào các dự án rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn dài để tạo nền tảng cho khu vực tư nhân (Ministry of Science and ICT, 2022).

Năm là, bảo đảm ổn định cấu trúc và chủ quyền số: Thông qua kết hợp sở hữu công, điều tiết vĩ mô và điều phối chiến lược, Nhà nước hạn chế rủi ro độc quyền nền tảng, giảm lệ thuộc công nghệ và bảo vệ lợi ích quốc gia trong không gian số toàn cầu (OECD, 2020).

Thụy Điển: Kinh tế nhà nước điều phối nguồn lực công theo logic quản trị tài sản

Thụy Điển tiêu biểu cho nhóm quốc gia không dùng khái niệm “khu vực kinh tế nhà nước” theo nghĩa sở hữu doanh nghiệp bao trùm, nhưng thực tế vẫn duy trì vai trò dẫn dắt mạnh của nhà nước trong phát triển kinh tế số qua năng lực kiểm soát và điều phối hiệu quả nguồn lực công (OECD, 2020; World Bank, 2021a, 2021b). Cách tiếp cận này nhấn mạnh quản trị và phân bổ nguồn lực nền tảng theo logic quản trị tài sản công, thể hiện qua:

Một là, tài chính công và ngân sách số: Nhà

nước duy trì quy mô tài chính công lớn và hệ thống thu - chi hiệu quả, tạo dư địa tài khóa ổn định để đầu tư dài hạn vào hạ tầng số, chính phủ số và dịch vụ công dựa trên dữ liệu.

Hai là, quỹ công và đầu tư cho đổi mới sáng tạo số: Các quỹ công và quỹ hưu trí quốc gia được vận hành như danh mục tài sản chiến lược, đầu tư vào hạ tầng số, công nghệ xanh, nền tảng số và doanh nghiệp công nghệ theo nguyên tắc thị trường, gắn với định hướng dài hạn và quản trị rủi ro.

Ba là, doanh nghiệp nhà nước trong kinh tế số: Doanh nghiệp do nhà nước sở hữu hoạt động theo chuẩn mực quản trị hiện đại, cạnh tranh bình đẳng, tập trung cung ứng hạ tầng và dịch vụ công số thiết yếu.

Bốn là, phân bổ nguồn lực xã hội trong môi trường số: Nhà nước định hướng phân bổ vốn, lao động và thu nhập, đồng thời đầu tư cho giáo dục số, phát triển kỹ năng số và thúc đẩy bao trùm số nhằm hạn chế bất bình đẳng.

Năm là, ổn định và phát triển bền vững trong kinh tế số: Kinh tế nhà nước là công cụ bảo đảm ổn định vĩ mô, hỗ trợ chuyển đổi số dài hạn và quản trị rủi ro công nghệ, thay vì can thiệp hành chính trực tiếp vào thị trường số. Vai trò của kinh tế nhà nước ở Thụy Điển phù hợp với logic quản trị tài sản công trong kinh tế số, coi nhà nước là chủ thể phát triển số, nhấn mạnh hiệu quả điều phối, đầu tư dài hạn và tính bền vững hơn là quy mô sở hữu hay tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước.

Singapore: Kinh tế nhà nước dẫn dắt thông qua quản trị vốn và nền tảng chiến lược

Singapore là đại diện tiêu biểu của nhóm các quốc gia không dùng khái niệm “kinh tế nhà nước” trong lý luận, nhưng nhà nước thực tế giữ vai trò dẫn dắt mạnh trong kinh tế số qua kiểm soát vốn, hạ tầng, dữ liệu và nền tảng chiến lược (OECD, 2020; World Bank, 2021a, 2021b). Cách tiếp cận này tập trung vào năng lực kiến tạo, đầu tư và điều phối nguồn lực nền tảng, thể hiện qua các trụ cột:

Một là, quản trị vốn và tài sản công: Kiểm soát vốn chiến lược qua các quỹ đầu tư quốc gia và doanh nghiệp nhà nước, hoạt động theo thị trường nhưng gắn với mục tiêu phát triển dài hạn.

Hai là, hạ tầng số và chính phủ số: Trực tiếp đầu tư, điều phối hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu, định danh số và nền tảng chính phủ số như tài sản nền tảng.

Ba là, nền tảng số công và hệ sinh thái đổi mới: Xây dựng các nền tảng số mở trong tài chính, logistics, đô thị thông minh và dịch vụ công, tạo chuẩn mực và không gian cho khu vực tư nhân.

Bốn là, dẫn dắt đầu tư và đổi mới công nghệ: Đóng vai trò “nhà đầu tư mới” qua các chương trình quốc gia về chuyển đổi số, AI và kinh tế dữ liệu, định hướng vốn tư nhân vào công nghệ chiến lược.

Năm là, ổn định và năng lực cạnh tranh toàn cầu: Duy trì ổn định vĩ mô, quản trị rủi ro công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong môi trường số xuyên biên giới. Vai trò của kinh tế nhà nước ở Singapore không đo bằng tỷ trọng sở hữu hay can thiệp hành chính, mà qua năng lực quản trị vốn, kiến tạo nền tảng và điều phối chiến lược. Đây là minh chứng

cho mô hình nhà nước phát triển số, với kinh tế nhà nước là công cụ tinh gọn, hiệu lực cao trong dẫn dắt tăng trưởng dài hạn.

Tóm lại, kinh tế nhà nước trong nền kinh tế số không làm thay thị trường mà đầu tư vào hạ tầng và công nghệ nền tảng, thiết lập luật chơi và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, đồng thời giữ vai trò trụ cột trong các lĩnh vực dữ liệu, an ninh và công nghệ chiến lược. Khác biệt giữa các quốc gia nằm ở công cụ và phương thức thực hiện, không phải ở vai trò thực chất của nhà nước trong điều phối các nguồn lực chiến lược của kinh tế số.

3. Vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng trong phát huy vai trò của kinh tế nhà nước như công cụ vật chất trung tâm để Nhà nước nắm giữ, điều phối và dẫn dắt nguồn lực chiến lược của kinh tế số. Cụ thể:

Thứ nhất, về hạ tầng số nền tảng: Khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các lĩnh vực then chốt như: Viễn thông, hạ tầng kết nối, trung tâm dữ liệu và các nền tảng quản trị quốc gia. Việc Nhà nước duy trì quyền chi phối đối với hạ tầng số thiết yếu đã tạo nền tảng triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số toàn quốc, đồng thời bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống trong bối cảnh không gian số ngày càng phức tạp.

Thứ hai, trong quản lý và khai thác dữ liệu công, Nhà nước từng bước xác lập quan điểm coi dữ liệu là tài nguyên chiến lược quốc gia. Việc hình thành và kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp và

bảo hiểm xã hội đã tạo nền tảng cho quản trị dựa trên dữ liệu, qua đó nâng cao hiệu quả điều hành và cung cấp dịch vụ công. Trong tiến trình này, khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò hạ tầng vật chất và tổ chức để Nhà nước kiểm soát, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu công phục vụ phát triển kinh tế số (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024; Tổng cục Thống kê, 2021, 2022, 2023, 2024).

Thứ ba, trong kiến tạo thị trường số, Nhà nước đã trực tiếp tham gia xây dựng và vận hành các nền tảng số công, từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin điều hành đến các nền tảng số dùng chung cho bộ, ngành và địa phương. Các nền tảng này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn góp phần thiết lập chuẩn mực vận hành và “luật chơi” ban đầu cho thị trường số, qua đó tạo nền tảng để khu vực tư nhân tham gia cạnh tranh và đổi mới sáng tạo (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020, 2021, 2022; Tổng cục Thống kê, 2021, 2022, 2023, 2024).

Thứ tư, về dẫn dắt đầu tư dài hạn và đổi mới sáng tạo: Kinh tế nhà nước ở Việt Nam bước đầu thể hiện vai trò “nhà đầu tư môi” trong các lĩnh vực chi phí lớn, rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn dài như hạ tầng số, chuyển đổi số khu vực công và một số công nghệ nền tảng. Vai trò này góp phần tạo tín hiệu thị trường, giảm rủi ro ban đầu và khuyến khích khu vực tư nhân tham gia sâu hơn vào phát triển kinh tế số. Thực tiễn cho thấy, thông qua đầu tư công và các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo, Nhà nước đã từng bước hình thành “đường ray” thể chế và tài chính cho khu vực tư nhân mở rộng đầu tư và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực số (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024; Tổng cục Thống kê, 2021, 2022, 2023, 2024).

Thứ năm, trong bảo đảm ổn định cấu trúc và chủ quyền số, việc Nhà nước nắm giữ và kiểm soát các hạ tầng cùng tài sản số chiến lược đã góp phần giảm thiểu rủi ro lệ thuộc công nghệ, phòng ngừa độc quyền nền tảng và bảo đảm an ninh kinh tế trong không gian số. Trong bối cảnh dữ liệu, nền tảng số và hạ tầng số ngày càng trở thành các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia, khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò công cụ trung tâm để Nhà nước duy trì ổn định hệ thống, bảo vệ dữ liệu chiến lược và từng bước nâng cao năng lực tự chủ số quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024; Tổng cục Thống kê, 2021, 2022, 2023, 2024).

Nhìn chung, những kết quả bước đầu cho thấy, vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam không bị thu hẹp mà đang từng bước chuyển hóa từ vai trò sở hữu - sản xuất truyền thống sang vai trò nắm giữ, kiến tạo và điều phối các nguồn lực nền tảng, phù hợp với khung lý thuyết đã xác lập và xu hướng quốc tế.

Bên cạnh kết quả bước đầu, việc phát huy vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế:

Thứ nhất, về hạ tầng số nền tảng: Vai trò chủ đạo chưa chuyển hóa đầy đủ thành năng lực

kiểm soát các “nút thắt chiến lược”. Mức độ tích hợp, kết nối và đồng bộ giữa các hệ thống còn hạn chế; quy mô trung tâm dữ liệu, năng lực điện toán và khả năng cung ứng hạ tầng số dùng chung chưa theo kịp yêu cầu phát triển nhanh của kinh tế số (Bộ Thông tin và Truyền Thông, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024; OECD, 2020).

Thứ hai, về quản lý và khai thác dữ liệu công: Dữ liệu chưa được vận hành đầy đủ như một tài sản công kinh tế. Các cơ sở dữ liệu quốc gia còn phân tán, chưa thống nhất, cơ chế chia sẻ và khai thác nặng tính hành chính, thiếu động lực kinh tế rõ ràng. Kinh tế nhà nước chưa phát huy đầy đủ vai trò là công cụ tổ chức và tạo giá trị gia tăng từ dữ liệu công (Bộ Thông tin và Truyền Thông, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024; OECD, 2020).

Thứ ba, về kiến tạo và định hình thị trường số: Thiếu sự phân định rạch ròi giữa vai trò kiến tạo và can thiệp hành chính. Một số nền tảng số công vận hành theo logic quản lý hơn là logic thị trường, chưa tạo không gian đủ rộng cho khu vực tư nhân cạnh tranh và đổi mới sáng tạo (OECD, 2020).

Thứ tư, về dẫn dắt đầu tư dài hạn và đổi mới sáng tạo chiến lược: Kinh tế nhà nước chưa thực sự đóng vai trò “nhà đầu tư môi” hiện đại. Đầu tư vào các công nghệ lõi (AI, Big Data, bán dẫn, nền tảng số) còn phân tán, thiếu trọng tâm; cơ chế phối hợp giữa đầu tư công và tư nhân chưa đủ mạnh để tạo hiệu ứng lan tỏa bền vững.

Thứ năm, về ổn định cấu trúc và chủ quyền số: Thách thức gia tăng trong bối cảnh kinh tế số xuyên biên giới. Năng lực kiểm soát các nền

tảng xuyên quốc gia, bảo vệ dữ liệu chiến lược và giảm lệ thuộc công nghệ còn hạn chế, trong khi khuôn khổ thể chế và công cụ kinh tế để bảo vệ chủ quyền số chưa hoàn thiện (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024; OECD, 2020).

Tổng hợp các hạn chế cho thấy, vấn đề đặt ra không phải là mở rộng hay thu hẹp vai trò của kinh tế nhà nước, mà là tái cấu trúc vai trò đó theo hướng tập trung vào nắm giữ, kiến tạo và điều phối các nguồn lực nền tảng, phù hợp với logic vận hành của kinh tế số và yêu cầu phát triển dài hạn.

4. Khuyến nghị chính sách

Trong bối cảnh kinh tế số, vai trò của kinh tế nhà nước cần được tái cấu trúc theo hướng tập trung, chọn lọc và hiện đại, gắn với năng lực nắm giữ, kiến tạo và điều phối các nguồn lực nền tảng. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2025). Trên cơ sở đó, các khuyến nghị được xây dựng theo các trụ cột cốt lõi:

Thứ nhất, về hạ tầng số nền tảng: Tái định vị kinh tế nhà nước là chủ thể kiểm soát các “nút thắt chiến lược”. Đầu tư công cần ưu tiên trọng tâm vào viễn thông thế hệ mới, trung tâm dữ liệu quốc gia, hạ tầng điện toán và các nền tảng số dùng chung, tăng cường kết nối và khả năng cung ứng, tránh đầu tư dàn trải.

Thứ hai, về quản lý và khai thác dữ liệu công: Cần chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị tài sản dữ liệu. Hoàn thiện khung pháp

lý xác định dữ liệu công là tài sản công chiến lược; chuẩn hóa, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia; và thiết kế cơ chế khai thác có kiểm soát để tạo giá trị gia tăng. Kinh tế nhà nước giữ vai trò là công cụ tổ chức và vận hành hệ sinh thái dữ liệu.

Thứ ba, về kiến tạo và định hình thị trường số: Cần làm rõ ranh giới giữa vai trò kiến tạo của Nhà nước và hoạt động thị trường. Các nền tảng số công cần được thiết kế theo hướng mở, đặt chuẩn và hình thành “luật chơi” ổn định, minh bạch, khuyến khích khu vực tư nhân cạnh tranh và đổi mới sáng tạo trên nền tảng do Nhà nước kiến tạo.

Thứ tư, về dẫn dắt đầu tư dài hạn và đổi mới sáng tạo chiến lược: Kinh tế nhà nước cần thực hiện vai trò “nhà đầu tư môi” trong các lĩnh vực công nghệ lõi (AI, Big Data, bán dẫn, hạ tầng số) có chi phí cao, rủi ro lớn, thời gian hoàn vốn dài. Phát huy hiệu quả các công cụ như: Quỹ đầu tư công, ngân hàng phát triển và mua sắm công đổi mới sáng tạo, đồng thời tăng cường phối hợp công - tư để tạo hiệu ứng lan tỏa.

Thứ năm, về bảo đảm ổn định cấu trúc và chủ quyền số: Cần coi đây là trụ cột xuyên suốt. Nhà nước cần kết hợp hài hòa giữa sở hữu công, điều tiết vĩ mô và điều phối chiến

lược để kiểm soát rủi ro độc quyền nền tảng, bảo vệ dữ liệu chiến lược, giảm lệ thuộc công nghệ và nâng cao năng lực tự chủ trong không gian số toàn cầu.

Thứ sáu, về phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao: Vai trò của kinh tế nhà nước không phải là đào tạo thay thị trường, mà ở định hướng, đầu tư trọng điểm và kiến tạo môi trường thực hành quy mô lớn thông qua đào tạo mũi nhọn về AI, khoa học dữ liệu, an ninh mạng, gắn với doanh nghiệp và dự án chuyển đổi số thực tiễn.

Để triển khai hiệu quả, vai trò dẫn dắt của kinh tế nhà nước cần được vận hành thông qua các công cụ chính sách hiện đại thay vì can thiệp hành chính hay mở rộng sở hữu. Trọng tâm là giảm rủi ro ban đầu và kích hoạt thị trường thông qua quỹ đổi mới sáng tạo, tín dụng ưu đãi, mua sắm công đổi mới sáng tạo và từng bước thí điểm đầu tư vốn chủ sở hữu vào các doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

Tóm lại, các khuyến nghị hướng tới tái cấu trúc vai trò của kinh tế nhà nước theo logic kinh tế số, tập trung vào nắm giữ, kiến tạo và điều phối các nguồn lực nền tảng, tạo cơ sở thể chế và vật chất cho tăng trưởng nhanh, bền vững và tự chủ của kinh tế số Việt Nam trong giai đoạn tới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (2020), *Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam 2020*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam 2021*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), *Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam 2022*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam 2023*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
5. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), *Sách trắng Công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam 2024*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
6. Bukht, R. & Heeks, R. (2017), *Defining, conceptualising and measuring the digital economy* (Development Informatics Working Paper No. 68), Global Development Institute, University of Manchester.
7. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, ban hành ngày 3/6/2020.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Phần I: Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *TOÀN VĂN: Dự thảo Báo cáo chính trị của Đại hội XIV của Đảng*, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015171703632.htm>
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Ministry of Science and ICT (2022), *Korea to come up with the roadmap of Digital ROK, realizing the New York Initiative*, <https://www.msit.go.kr/eng/bbs/view.do?bbsSeqNo=42&mlId=4&mPid=2&nnttSeqNo=742>
12. IMF (2018), *Public Sector Balance Sheet Strength and the Macro Economy*, <https://www.imf.org/-/media/files/publications/wp/2019/wpiea2019170-print-pdf.pdf>
13. Naughton, B. (2021), *The Chinese economy: Adaptation and growth (2nd ed.)*, MIT Press, Cambridge.
14. OECD (2020), *Digital government index 2019: Digital government as an enabler of sustainable growth*, OECD Publishing, <https://doi.org/10.1787/4de9f5bb-en>
15. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ban hành ngày 28-11-2013.
16. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
17. Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
18. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
19. Tổng cục Thống kê (2024), *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
20. Cục Thống kê (2025), *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
21. World Bank (2018), *The changing wealth of nations 2018: Building a sustainable future*, Washington, DC, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941517825869310/pdf/123137-Replacement-PUBLIC.pdf>
22. World Bank (2021a), *The changing wealth of nations 2021: Managing assets for the future*, <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/e1399ed3-ebe2-51fb-b2bc-b18a7f1aaaed>
23. World Bank (2021b), *World development report 2021: Data for better lives* <https://www.worldbank.org/en/publication/wdr2021>
24. State Council of China (2021), *14th Five-Year Plan for national economic and social development and the long-range objectives through 2035*, Beijing.
25. UNCTAD (2021), *Digital economy report 2021: Cross-border data flows and development - For whom the data flow*, United Nations, https://unctad.org/system/files/official-document/der2021_en.pdf